TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày: 16-01- 2024
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng và bà Nguyễn Thanh Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên toà.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2023 các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1960

Địa chỉ: Khu phố n, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Dương Thu H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp R, xã TA, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Vào ngày 28/01/2011, bà Dương Thu H (gọi tắt là bà H) có hỏi mượn của bà Phạm Thị L (gọi tắt là bà L) số tiền 70.000.000 đồng để trả tiền mua đất ở Rạch Giá, bà H thoả thuận thời hạn trả tiền sau 02 tháng kể từ ngày vay. Vì là chỗ quen thân nên bà L cho bà H mượn tiền mà không tính lãi suất. Tuy nhiên, sau 02 tháng vay tiền bà H không thực hiện trả nợ theo thoả thuận và sau đó bà Hlàm ăn bị bể nợ nên bà L chưa đòi nợ.

Sau một thời gian bà L yêu cầu bà H trả nợ thì bà Hchỉ hứa trả dần nhưng

vẫn không thực hiện.

Nay bà L yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà H phải trả cho bà L70.000.000 đồng tiền cho mượn. Bà L tự nguyện không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi kể từ khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến ngày xét xử và không yêu cầu tính lãi suất chậm trả tiền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Dương Thu H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng đều vắng mặt mà không có yêu cầu phản tố, không ý kiến trình bày trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 (một) biên nhận nợ đề ngày 28/01/2011; bị đơn không cung cấp chứng cứ; Hồ sơ hoà giải đối thoại tại Toà án do Hoà giải viên chuyển đến.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Nội dung thống nhất: Không có.

Nội dung không thống nhất: Bà L yêu cầu bà H trả số nợ 70.000.000 đồng làm một lần, bà H không có ý kiến trước yêu cầu của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa các đương sự: Nội dung khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ hợp đồng dân sự vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Tại phiên tòa bị đơn – bà H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với bà H.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung khởi kiện của bà L yêu cầu bà H trả nợ tiền mượn (từ địa phương tiền mượn là tiền vay không có lãi suất) là 70.000.000 đồng, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có Thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Toà án nhưng bà H không có ý kiến phản hồi hay phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời không cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L đã cung cấp chứng cứ là 01 biên nhận nợ viết tay, nội dung biên nhận nợ thể hiện bà H xác nhận số nợ 70.000.000 đồng với bà L đồng thời quá trình thực hiện hoà giải đối thoại tại Toà án tại Biên bản làm việc ngày 30/6/2023 bà H cũng thừa nhận có vay và còn nợ của bà L 70.000.000 đồng, từ đó có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của bà L căn cứ.

Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn vào Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà L 70.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Ghi nhận việc bà L không yêu cầu bà H trả lãi suất chậm trả tiền.

[4] Về án phí của vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Án phí bà H phải nộp là: 70.000.000 đồng x 5% = 3.500.000 đồng.

Bà L đã được xét miễn nộp tiền tạm ứng án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi nên không xem xét việc hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L.

Buộc bà Dương Thu H có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị L số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Việc trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Ghi nhận ý kiến của bà Phạm Thị L không yêu cầu bà Dương Thu H phải trả lãi suất chậm trả tiền.

2. Về án phí vụ kiện:

Buộc bà Dương Thu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.500.000 đồng (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng).

Bà Phạm Thị L đã được xét miễn nộp tiền tạm ứng án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi nên không xem xét việc hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 16/01/2024, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm